TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2018/DS-ST
Ngày: 29 - 11 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Hòa.

Bà Phạm Ngọc Phụng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Thanh Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Bà Mã Quế Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2018, về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2018/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên* đơn: Ngân hàng S.

Địa chỉ: Đường N, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Sĩ K, sinh năm 1979, cư trú tại: Đường N, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn *(Theo văn bản ủy quyền lập ngày 28/5/2018)*. Ông K có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Huỳnh Mẫn Đ, sinh năm 1981; cư trú tại: Đường H, khóm Y, phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng *(Có mặt)*.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Huỳnh Hiển H, sinh năm 1984; nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh: Đường H, khóm Y, phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng *(Vắng mặt)*.

2. Bà Trương Thị Mai A; cư trú tại: Đường H, khóm Y, phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng *(Vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25/01/2018, tại phiên hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng S và người đại diện của Ngân hàng trình bày:

Ngày 21/6/2011, ông Huỳnh Mẫn Đ và ông Huỳnh Hiển H có ký với Ngân hàng S hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng. Căn cứ vào thu nhập của ông Huỳnh Mẫn Đ, Ngân hàng S đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng với hạn mức 100.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, trong đó ông Huỳnh Mẫn Đ là chủ thẻ chính, ông Huỳnh Hiển H là chủ thẻ phụ.

Sau khi được cấp thẻ, ông Huỳnh Mẫn Đ và ông Huỳnh Hiển H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 292.754.449 đồng. Trong đó ông Huỳnh Mẫn Đ thực hiện giao dịch với số tiền 137.856.813 đồng, ông Huỳnh Hiển H thực hiện giao dịch với số tiền 154.897.636 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ kể từ ngày kích hoạt cho đến nay ông Huỳnh Mẫn Đ và ông Huỳnh Hiển H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 231.650.309 đồng. Do ông Huỳnh Mẫn Đ và ông Huỳnh Hiển H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, qua nhiều lần làm việc và nhắc nhở nhưng cả hai ông vẫn không có thiện chí trả nợ, nên ngày 26/5/2013, Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 20/01/2018, ông Huỳnh Mẫn Đ và ông Huỳnh Hiển H còn nợ các khoản sau: Nợ gốc 116.925.350 đồng; lãi quá hạn 213.807.195 đồng. Tổng cộng 330.732.545 đồng.

Nay Ngân hàng S yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Huỳnh Mẫn Đ cùng liên đới với ông Huỳnh Hiển H trả cho Ngân hàng S số tiền tạm tính đến ngày 20/01/2018 là 330.732.545 đồng *(Trong đó, nợ gốc 116.925.350 đồng, lãi quá hạn 213.807.195 đồng)*.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng đề nghị HĐXX buộc ông Huỳnh Mẫn Đ và ông Huỳnh Hiển H phải có trách nhiệm liên đới cùng thanh toán toàn bộ số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/11/2018 là 370.075.080 đồng *(Trong đó, tiền vốn là 116.925.350 đồng, tiền lãi trong hạn là 168.766.153 đồng và lãi quá hạn là 84.383.577 đồng)*.

- Theo các văn bản tường trình ngày 11/9/2018, ngày 26/11/2018; tại các phiên hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Huỳnh Mẫn Đ trình bày:

Ngày 21/6/2011, ông Huỳnh Mẫn Đ có ký với Ngân hàng S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ vào thu nhập của ông Ngân hàng S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 100.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong đó, ông Huỳnh Mẫn Đ là chủ thẻ chính, ông Huỳnh Hiển H là chủ thẻ phụ. Sau khi được cấp thẻ, ông Mẫn Đ và ông Hiển H đã thực hiện các giao dịch với số tiền bao nhiêu thì ông không nhớ và đã thanh toán cho Ngân hàng S được bao nhiêu ông cũng không nhớ rõ. Vào năm 2013, khi Ngân hàng S ngưng cho ông sử dụng thẻ tín dụng thì ông có đến Ngân hàng đề nghị phương án trả nợ là trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng nhưng Ngân hàng không đồng ý vì cho rằng số tiền này quá ít so với khoản nợ của ông.

Ông cho rằng việc Ngân hàng S cấp thẻ tín dụng cho ông với hạn mức 100.000.000 đồng là quá cao so với mức lương của ông tại thời điểm cấp thẻ. Khi phát hành thẻ thì Ngân hàng không tư vấn cho ông về các chính sách, quyền và nghĩa vụ của chủ thẻ cũng như lãi suất phạt khi chậm thanh toán. Sau khi chấm dứt quyền

sử dụng thẻ vào năm 2013, ông đã đến liên hệ với Ngân hàng để đề nghị phương án trả nợ 3.000.000 đồng mỗi tháng là phù hợp với mức lương của ông nhưng Ngân hàng không đồng ý, dẫn đến thời gian kéo dài đến nay hơn 05 năm vẫn buộc ông phải chịu lãi suất nên ông không đồng ý.

Ngoài ra, ông yêu cầu Tòa án xem xét thời hiệu khởi kiện của Ngân hàng S, bởi vì theo quy định từ khi ngưng sử dụng thẻ năm 2013 đến nay hơn 05 năm thì thời hiệu khởi kiện của Ngân hàng đã hết. Đồng thời, ông cũng cho rằng đây là khoản nợ riêng của ông, không liên quan đối với ông Huỳnh Hiển H và vợ của ông là bà Trương Thị Mai A nên đề nghị Tòa án không buộc ông Hiển H và bà Trương Thị Mai A liên đới trả số nợ này.

Tại buổi hòa giải ngày 07/6/2018, ông cho rằng ông chỉ còn nợ Ngân hàng hơn 80.000.000 đồng và tại buổi hòa giải ngày 21/9/2018, ông cho rằng sau khi được cấp thẻ, ông đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 292.754.449 đồng; đã thanh toán được 231.650.309 đồng nên chỉ còn nợ lại 61.104.140 đồng và đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền này.

Tại phiên tòa, ông xác định còn thiếu Ngân hàng số tiền hơn 80.000.000 đồng, đối với các khoản tiền phí trễ hạn, phí vượt hạn mức, phí khác và lãi, lãi quá hạn thì ông không đồng ý trả do hết thời hiệu khởi kiện.

- *Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Hiển H*: Sau khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết, Tòa án đã niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án, nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; các văn bản tố tụng khác tại nơi cư trú cuối cùng của ông nhưng ông không có văn bản trả lời. Hiện nay không ai biết địa chỉ mới của ông hoặc khi nào thì ông trở về.

- *Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Thị Mai A*: Sau khi bổ sung bà Anh vào tham gia tố tụng, Tòa án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và các văn bản tố tụng khác để bà Mai A thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng bà không có ý kiến hoặc yêu cầu gì về việc giải quyết vụ án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến quy định tại Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự:* Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S, buộc ông Huỳnh Mẫn Đ và ông Huỳnh Hiển H cùng có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng tiền vốn, tiền lãi theo thỏa thuận và tính lãi quá hạn theo hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử *(HĐXX)* nhận định:

[1] Sau khi Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng thụ lý vụ án, quá trình tiến hành tố tụng phát hiện bị đơn ông Huỳnh Hiển H đã xuất cảnh đi nước ngoài trước khi Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng đã thụ lý, nên vụ án có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh; vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xem xét, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Hiển H và bà Trương Thị Mai A vắng mặt không rõ lý do, nên HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người vừa nêu.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Theo Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành, trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên tại mục 23 điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, khi chủ thẻ vi phạm trong việc thanh toán nợ thì đơn vị phát hành thẻ có quyền chuyển sang nợ quá hạn; do vậy, kể từ khi chuyển qua nợ quá hạn thì Ngân hàng có quyền khởi kiện bất cứ lúc nào mà không bị ràng buộc bởi thời hiệu khởi kiện. Do đó, việc ông Huỳnh Mẫn Đ cho rằng đã hết thời hiệu khởi kiện là không có cơ sở.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng S, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn ông Huỳnh Mẫn Đ đều thừa nhận vào ngày 21/6/2011, giữa Ngân hàng và ông Mẫn Đ có ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, trong đó ông Mẫn Đ là chủ thẻ chính và ông Hiển H là chủ thẻ phụ. Sau khi kích hoạt thẻ, ông Mẫn Đ đã thực hiện các giao dịch bằng thẻ với số tiền 137.856.813 đồng và ông Hiển H đã thực hiện các giao dịch bằng thẻ với số tiền 154.897.636 đồng, tổng cộng là 292.754.449 đồng. Ông Mẫn Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 231.650.309 đồng và không tiếp tục thanh toán số nợ còn lại nên đến ngày 26/5/2013, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Mẫn Đ và ông Hiển H cho đến nay. Do đó, nội dung trên đây được xem là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Ngân hàng cho rằng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/11/2018, ông Mẫn Đ và ông Hiển H thiếu tổng cộng là 370.075.080 đồng *(Trong đó, tiền vốn là 116.925.350 đồng, tiền lãi trong hạn là 168.766.153 đồng và tiền lãi quá hạn là 84.383.577 đồng)*. Tuy nhiên, ông Mẫn Đ không đồng ý với cách tính lãi trên tổng số tiền giao dịch còn nợ cộng với lãi suất, phí trễ hạn, phí vượt hạn mức, các loại phí khác của Ngân hàng và thời hiệu khởi kiện đã hết, nên ông chỉ đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc còn lại hơn 80.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi như Ngân hàng yêu cầu. Xét thấy, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được ký kết giữa chủ thẻ chính ông Mẫn Đ, chủ thẻ phụ ông Hiển H và đơn vị phát hành thẻ là Ngân hàng S. Hợp đồng lập ngày 21/6/2011 dưới hình thức bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, kèm theo Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S có hiệu lực từ ngày 01/6/2010, thay thế bằng Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S có hiệu lực từ ngày

13/7/2012 là phù hợp và đảm bảo đúng quy định của pháp luật về mặt hình thức. Việc ông Mẫn Đ cho rằng Ngân hàng đã không công bố các điều khoản về phí trễ hạn, phí vượt hạn mức, phí khác và lãi, lãi quá hạn; cán bộ tín dụng của Ngân hàng đã lừa dối ông ký kết hợp đồng nhưng ông không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của mình. Trong khi đó, ông Mẫn Đ thừa nhận đã trực tiếp ký tên vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và thực tế đã kích hoạt, sử dụng thẻ tín dụng do Ngân hàng phát hành từ ngày 02/7/2011. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông và ông Hiển H đã thực hiện rất nhiều giao dịch và cũng đã thanh toán một phần nợ đến tháng 5/2013. Do đó, có cơ sở xác định việc giao kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa ông Mẫn Đ, ông Hiển H và Ngân hàng dựa trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, không mang tính chất lừa dối như ông Mẫn Đ trình bày.

[6] Mặt khác, tại mục *"Đăng ký cấp thẻ ghi nợ"* của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 21/6/2011 có ghi rõ: "*Bằng việc ký vào mẫu đơn này, tôi xác nhận rằng đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi Điều khoản và Điều kiện thẻ ghi nợ do Sacombank phát hành*". Theo đó, tất cả các khoản nợ được thể hiện trên thông báo giao dịch gồm: Giao dịch mua hàng hóa, phí, và những khoản nợ khác trên tài khoản, trừ giao dịch rút tiền mặt và giao dịch tương đương rút tiền mặt sẽ bị tính lãi nếu khách hàng không thực hiện thanh toán toàn bộ dư nợ đúng hoặc trước ngày đến hạn, lãi được tính từ ngày phát sinh cho đến ngày khách hàng thực hiện thanh toán đầy đủ. Đối với giao dịch rút tiền mặt và giao dịch tương đương rút tiền mặt sẽ được tính lãi từ ngày phát sinh cho đến ngày khách hàng thực hiện thanh toán đầy đủ *(Mục 22)*. Việc thanh toán đối với các khoản dư nợ trên tài khoản được thực hiện theo thứ tự ưu tiên: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; giao dịch mua hàng hóa trong kỳ. Đơn vị phát hành thẻ có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho chủ thẻ.

[7] Như vậy, bằng việc xác lập hợp đồng theo mẫu trên cơ sở tự nguyện, ông Mẫn Đ chấp nhận nội dung Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Tính đến ngày 25/5/2013, số tiền nợ gốc ông Mẫn Đ và ông Hiển H phải thanh toán là 116.925.350 đồng; tại Thông báo số 113/TB-TTT, ngày 04/7/2011 thì mức lãi suất trong hạn là 2,15%/tháng *(Lãi suất quá hạn 150%)* x số tiền phát sinh x số ngày phát sinh đến ngày 29/11/2018 tổng cộng lãi trong hạn và quá hạn là 253.149.7305 đồng. Ngoài ra, ông Mẫn Đ cho rằng thời hiệu khởi kiện đã hết, nên không đồng ý tính lãi là không có cơ sở như vừa nhận định ở mục [3] nêu trên.

[8] Theo quy định tại mục 2 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ thì chủ thẻ chính và chủ thẻ phụ chịu trách nhiệm liên đới việc thanh toán tất cả các giao dịch và tất cả các khoản phí, chi phí phát sinh trên tài khoản do việc sử dụng thẻ bao gồm nhưng không giới hạn những khoản phí không hoàn lại, lệ phí và thuế theo quy định cho đến khi thanh toán đầy đủ cho đơn vị phát hành thẻ mà không cần có bằng chứng hóa đơn được ký hay chứng từ khác.

[9] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, do ông Mẫn Đ và ông Hiển H vi phạm nghĩa vụ trả vốn gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên phía Ngân hàng yêu cầu buộc ông Mẫn Đ và ông Hiển H phải trả lại toàn bộ số tiền vốn gốc còn nợ 116.925.350 đồng và tiền lãi, tiền lãi quá hạn với số tiền 253.149.7305 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm a, b khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, nên được HĐXX chấp nhận.

[10] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Thị Mai A là vợ của ông Huỳnh Mẫn Đ. Do trong quá trình giải quyết vụ án, ông Huỳnh Mẫn Đ xác định đây là nợ riêng của ông vay với mục đích tiêu dùng cá nhân, không phục vụ nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình. Đồng thời, nguyên đơn xác nhận không yêu cầu bà Mai A phải liên đới trả nợ cùng ông Huỳnh Mẫn Đ, nên HĐXX không đặt ra xem xét trách nhiệm liên đới của bà Mai A.

[11] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn ông Mẫn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hiển H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

[12] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm về việc đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S, buộc ông Mẫn Đ và ông Hiển H cùng có trách nhiệm liên đới trả vốn và lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm và tính lãi quá hạn theo hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 37, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 1, điểm a, b khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S. Buộc ông Huỳnh Mẫn Đ và ông Huỳnh Hiển H cùng có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng S số tiền vốn vay còn nợ là 116.925.350 đồng và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 29/11/2018 là 253.149.730 đồng. Tổng cộng cả vốn và lãi là 370.075.080 đồng *(Ba trăm bảy mươi triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn không trăm tám mươi đồng)*.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Huỳnh Mẫn Đ và ông Huỳnh Hiển H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa

thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Mẫn Đ và ông Huỳnh Hiển H cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 18.503.754 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 8.268.000 đồng theo biên lai thu số 0000282 ngày 13-3-2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 *(Được sửa đổi, bổ sung năm 2014),* thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn